

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-11-2020
V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phụng;

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1998 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Trung K, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Q và ông K có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2016, trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn được hôn nhân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đặc được nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông Phạm Trung K.

- Về nuôi con: Có 01 người con tên Phạm Trung Kh, sinh ngày 22/11/2013 (nam), hiện nay cháu Kh đang sống với ông K. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, trường hợp con theo bà Q thì bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 14 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Năm Căn nhận được bản tự khai của bà Nguyễn Thị Q với nội dung: Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016, bà Q và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi và ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: Có 01 người con tên Phạm Trung Kh, sinh ngày 22/11/2013 (nam), hiện nay cháu Kh đang sống với ông K. Khi ly hôn, bà Q đồng ý giao cháu Kh cho ông K nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Phạm Trung K:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông K không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Q yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, việc cấp dưỡng, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông K vắng mặt 02 lần không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà Q và ông K đều vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với ông Phạm Trung K, về con chung giao ông K nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông K cư trú tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị Q xin vắng phiên xét xử của Tòa án vì đang đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện dịch bệnh nên đi lại khó khăn do đó không thể thường xuyên có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, yêu cầu này của bà Q là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Phạm Trung K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ (lần 2) nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Q và ông K có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 2013, hôn nhân có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2017 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau, tại Trích lục kết hôn số 312/TLKH-BS thể hiện giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 02/02/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Trung K được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Q cho rằng lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016, bà và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông Phạm Trung K. Tòa án đã triệu tập ông K nhiều lần nhưng ông vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Q cho thấy ông K không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Bà Q và ông K sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông Phạm Trung K theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Có 01 người con chung tên Phạm Trung Kh, sinh ngày 22/11/2013 (nam), hiện nay cháu Kh đang sống với ông K. Khi ly hôn, bà Q đồng ý giao cháu Kh cho ông K nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù cháu Kh chưa đủ 07 tuổi (06 tuổi 11 tháng 13 ngày) nhưng qua đơn yêu cầu đề ngày 30/9/2020 của cháu thể hiện cháu có nguyện vọng sống với cha và trong thời gian bà Q, ông K ly thân thì cháu Kh do ông K nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu được ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cháu Phạm Trung Kh cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Q được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân

và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Q ly hôn với ông Phạm Trung K.

Về nuôi con: Giao cháu Phạm Trung Kh, sinh ngày 22/11/2013 (nam) cho ông Phạm Trung K trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Q được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007342 ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã L, huyện N.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền